

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM**



**TCVN ISO
9001:2015
QUY TRÌNH**

ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN TẠM THỜI

MÃ HIỆU: QT.VTATPT.08

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Dương Đại Thắng	Lê Minh Đạo	Lê Đỗ Mười
Chữ ký		 	
Chức vụ	Phó Trưởng phòng VTATPT	Phó Cục trưởng	Cục trưởng



	CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký tàu biển tạm thời	Ngày ban hành: 3/2026
		Lần ban hành: 03
		Mã hiệu: QT.VTATPT.08

THEO DÕI PHÂN PHỐI

Cục trưởng Lê Đỗ Mười	☒	Phòng Tổ chức cán bộ	☐
Phó Cục trưởng phụ trách	☒	Thanh tra	☐
Phòng Kế hoạch - Tài chính	☐	Phòng Pháp chế	☐
Phòng Hợp tác quốc tế - IMO	☐	Phòng Kết cấu hạ tầng	☐
Phòng Khoa học - Công nghệ và Môi trường	☐	Bộ phận Một cửa cơ quan Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	☒
Phòng Vận tải - An toàn và Phương tiện	☒	Ban ISO	☒
Văn phòng	☒		☐

	CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký tàu biển tạm thời	Ngày ban hành: 3/2026
		Lần ban hành: 03
		Mã hiệu: QT.VTATPT.08

THEO DÕI SỬA ĐỔI

Lần sửa	Ngày sửa	Nội dung và hạng mục sửa đổi
1	24/09/2025	- Cập nhật VBQPPL Nghị định 247/2025/NĐ-CP - Bổ sung Tài liệu viện dẫn - Sửa lại thành phần hồ sơ
2	10/03/2026	- Cập nhật VB QPPL

	CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký tàu biển tạm thời	Ngày ban hành: 3/2026
		Lần ban hành: 03
		Mã hiệu: QT.VTATPT.08

1. MỤC ĐÍCH

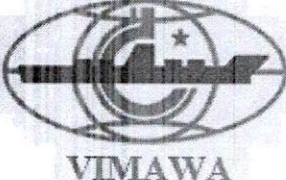
Quy định thống nhất về trình, thủ tục, trách nhiệm và phương pháp thực hiện TTHC về cấp Đăng ký tàu biển tạm thời.

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng đối với Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện thủ tục hành chính cấp Đăng ký tàu biển tạm thời.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Bộ luật hàng hải Việt Nam 2015 số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;
- Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký, mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 247/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua bán, đóng mới tàu biển đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2020;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.
- Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/06/2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Nghị định số 367/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

	CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký tàu biển tạm thời	Ngày ban hành: 3/2026
		Lần ban hành: 03
		Mã hiệu: QT.VTATPT.08

- Thông tư 189/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải;
- Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

1. Đăng ký tàu biển là việc cơ quan có thẩm quyền về đăng ký tàu biển tại Việt Nam thực hiện ghi, lưu trữ các thông tin về tàu biển vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam và cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển theo quy định tại Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký, mua, bán, đóng mới tàu biển và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Đăng ký tàu biển bao gồm các hình thức sau:

- a) Đăng ký tàu biển không thời hạn;
- b) Đăng ký tàu biển có thời hạn;
- c) Đăng ký thay đổi;
- d) Đăng ký tàu biển tạm thời;
- đ) Đăng ký tàu biển đang đóng;
- e) Đăng ký tàu biển loại nhỏ.

2. Đăng ký tàu biển tạm thời là việc đăng ký tàu biển thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam trong các trường hợp sau đây:

- a) Chưa nộp phí, lệ phí theo quy định;
- b) Chưa có giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển nhưng đã có cam kết trong hợp đồng mua, bán tàu biển là bên bán sẽ giao giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển cho bên mua; trong trường hợp này Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam chỉ có hiệu lực kể từ ngày hai bên mua, bán ký biên bản bàn giao tàu;
- c) Thử tàu đóng mới hoặc nhận tàu đóng mới để đưa về nơi đăng ký trên cơ sở hợp đồng đóng tàu.

Tuổi của tàu biển được tính bằng số năm và bắt đầu từ ngày đặt sòng chính của tàu; trường hợp không xác định được ngày đặt sòng chính thì tính từ ngày việc lắp ráp thân vỏ tàu đạt được 50 tấn khối lượng hoặc bằng 01% khối lượng toàn bộ ước tính của số vật liệu sử dụng làm thân vỏ tàu biển, lấy trị số nào nhỏ hơn.

	CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký tàu biển tạm thời	Ngày ban hành: 3/2026
		Lần ban hành: 03
		Mã hiệu: QT.VTATPT.08

- *Bộ phận tiếp nhận - trả kết quả* là bộ phận Một cửa cơ quan Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

- *TN&TKQ*: tiếp nhận và trả kết quả.
- *VTATPT*: Vận tải an toàn và phương tiện.
- *GCN*: Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời.
- *TTHC*: Thủ tục hành chính.
- *NLTT*: Người làm thủ tục.

- *Quy chế một cửa*: Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1. Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính

1. Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng khi đăng ký tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau:

- Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: không quá 10 năm;
- Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: không quá 15 năm;
- Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định nhưng không quá 20 năm và chỉ áp dụng đối với các loại tàu: chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi.

2. Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền.

3. Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại Khoản 1 không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần.

5.2. Thành phần hồ sơ

- Trường hợp chưa nộp phí, lệ phí, hồ sơ đăng ký bao gồm:
 - + Tờ khai đăng ký tàu biển;
 - + Bản chính: Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài hoặc Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với

	CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký tàu biển tạm thời	Ngày ban hành: 3/2026
		Lần ban hành: 03
		Mã hiệu: QT.VTATPT.08

phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB đã qua sử dụng hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu biển được đóng mới;

+ Bản chính: Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (kèm Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trường hợp chủ tàu là hợp tác xã) hoặc giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hộ chiếu đối với trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài.

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận dung tích tàu biển;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển hiện có của tàu;
- Trường hợp chưa có giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển, hồ sơ đăng ký bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển theo Mẫu

+ Bản chính: Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (kèm Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

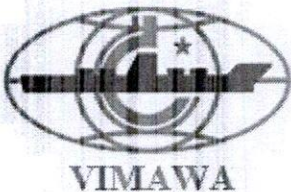
+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trường hợp chủ tàu là hợp tác xã) hoặc giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hộ chiếu đối với trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài.

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử: Giấy chứng nhận dung tích tàu biển, Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển hiện có của tàu;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển hiện có của tàu;
- Trường hợp thử tàu đóng mới, hồ sơ đăng ký bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển;

	CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký tàu biển tạm thời	Ngày ban hành: 3/2026
		Lần ban hành: 03
		Mã hiệu: QT.VTATPT.08

+ Bản chính: Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (kèm Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trường hợp chủ tàu là hợp tác xã) hoặc giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hộ chiếu đối với trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài;

+ Bản số liệu dung tích của tàu;

- Trường hợp nhận tàu đóng mới để đưa về nơi đăng ký trên cơ sở hợp đồng đóng tàu, hồ sơ đăng ký bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển;

+ Bản chính: Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (kèm Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận dung tích tàu biển;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển;

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trường hợp chủ tàu là hợp tác xã) hoặc giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hộ chiếu đối với trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài.

- Trường hợp đăng ký tàu biển công vụ, chủ tàu nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử

	CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký tàu biển tạm thời	Ngày ban hành: 3/2026
		Lần ban hành: 03
		Mã hiệu: QT.VTATPT.08

được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

5.3. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) hồ sơ.

5.4. Thời gian xử lý: 02 (hai) ngày làm việc.

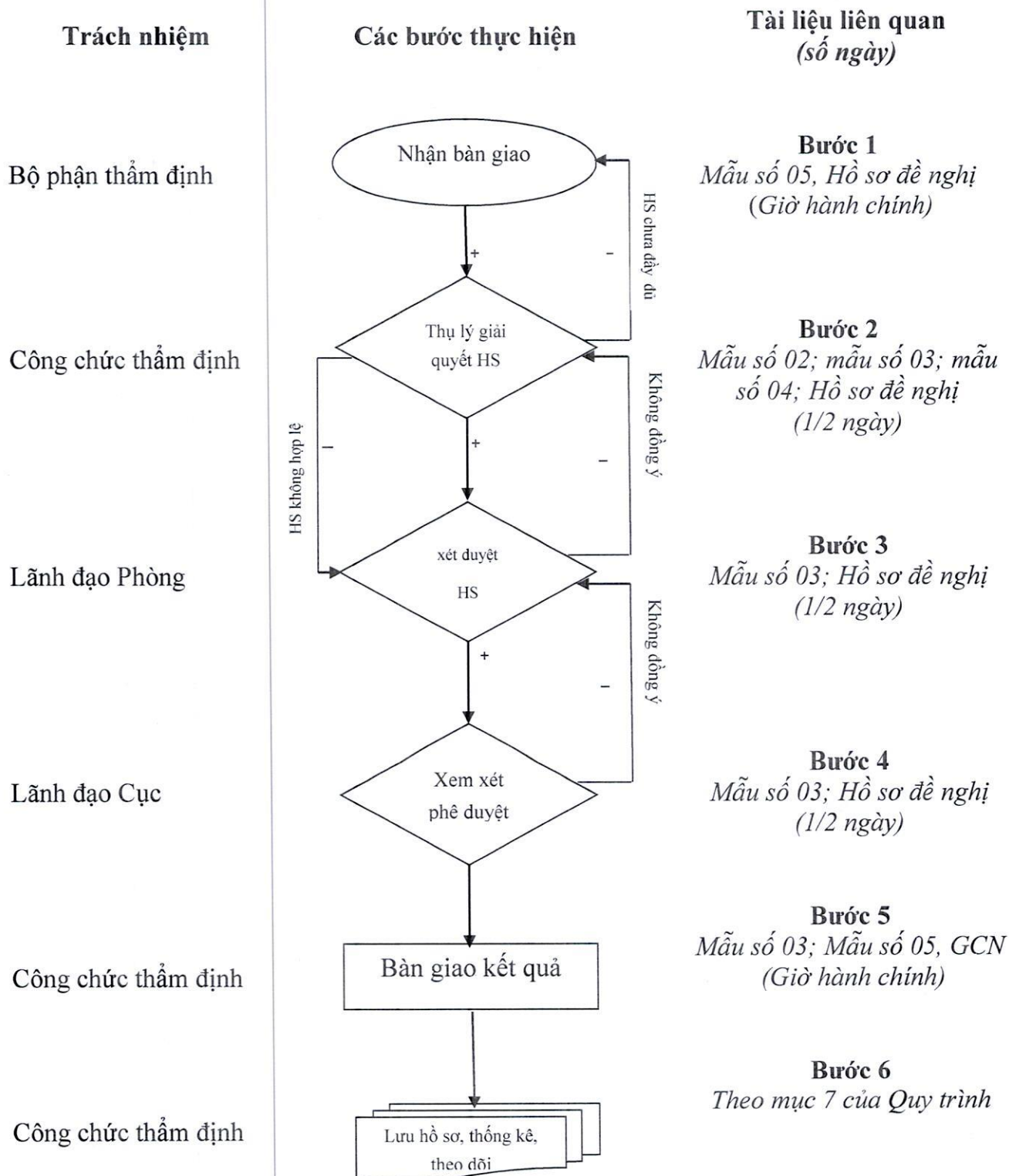
5.5. Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

5.6. Lệ phí: 30% mức thu đăng ký không thời hạn

5.7. Quy trình xử lý công việc

	CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký tàu biển tạm thời	Ngày ban hành: 3/2026
		Lần ban hành: 03
		Mã hiệu: QT.VTATPT.08

5.7.1 Lưu đồ dòng chảy



	CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký tàu biển tạm thời	Ngày ban hành: 3/2026
		Lần ban hành: 03
		Mã hiệu: QT.VTATPT.08

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nhận bàn giao hồ sơ	<i>Bộ phận thẩm định</i>	<i>Giờ hành chính</i>	<i>Mẫu số 05; Hồ sơ đề nghị</i>
Bộ phận thẩm định tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, kèm theo “phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ” theo mẫu số 05 của Quy chế một cửa. Việc nhận hồ sơ bàn giao phải được thực hiện ngay trong ngày làm việc hoặc vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận tại sau 16:00 hàng ngày (tối đa thời gian không quá 08 giờ kể từ lúc tiếp nhận hồ sơ).				
B2	Thụ lý giải quyết hồ sơ	<i>Công chức thẩm định</i>	<i>1/2 ngày</i>	<i>Mẫu số 02; mẫu số 03; mẫu số 04, Hồ sơ cấp GCN; BM.VTATPT.08.01</i>
Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo bộ phận thẩm định, công chức thẩm định kiểm tra thành phần và tính hợp lệ, của hồ sơ. * Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện: công chức bộ phận thẩm định chuyển trả lại hồ sơ kèm theo “Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ” theo mẫu số 02, Quy chế một cửa. Việc thông báo bổ sung hồ sơ phải thực hiện trong thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định. * Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết theo quy định pháp luật, công chức bộ phận thẩm định: - Dự thảo nội dung “Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ” theo mẫu số 03, Quy chế một cửa, nêu rõ lý do không giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo phòng xét duyệt. * Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Công chức đã thẩm định hồ sơ ký xác nhận vào góc hồ sơ và thực hiện bước in giấy chứng nhận đăng ký. - Công chức bộ phận thẩm định hồ sơ nhập thông tin vào sổ đăng ký tàu biển tạm thời (BM.VTATPT.08.01) và phần mềm đăng ký tàu biển, in GCN. - Trình Lãnh đạo có thẩm quyền ký duyệt. Lưu ý: Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết, trong thời hạn chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn, Bộ phận thẩm định phải thông báo bằng văn bản cho Bộ phận Tiếp				

	CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký tàu biển tạm thời	Ngày ban hành: 3/2026
		Lần ban hành: 03
		Mã hiệu: QT.VTATPT.08

nhận & Trả kết quả kèm theo “phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả” theo mẫu số 04, Quy chế một cửa, trong đó ghi rõ lý do quá hạn, thời gian đề nghị gia hạn trả kết quả. Việc hẹn lại ngày trả kết quả được thực hiện không quá một lần.

Căn cứ phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, Bộ phận Tiếp nhận & Trả kết quả điều chỉnh lại thời gian trả kết quả xử lý trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử, đồng thời gửi thông báo đến tổ chức, cá nhân.

B3	Xét duyệt hồ sơ	Lãnh đạo P. VTATPT	½ ngày	Mẫu số 03; Hồ sơ đề nghị
-----------	------------------------	-----------------------	--------	--------------------------

Lãnh đạo phòng thực hiện duyệt hồ sơ:

- Nếu đồng ý với kết quả thẩm định, chuyển hồ sơ cho người có thẩm quyền phê duyệt;
- Nếu không đồng ý với kết quả thẩm định, chuyển hồ sơ về cho công chức thẩm định lại.

B4	Xem xét phê duyệt	Lãnh đạo Cục/ Lãnh đạo Phòng VTATPT	½ ngày	Mẫu số 03; Hồ sơ đề nghị
-----------	--------------------------	--	--------	--------------------------

Lãnh đạo Cục/Lãnh đạo Phòng thực hiện việc phê duyệt hồ sơ:

- Nếu đồng ý phê duyệt, ký duyệt, chuyển Bộ phận TN&TKQ trả kết quả cho NLTT;
- Nếu không đồng ý phê duyệt, chuyển Lãnh đạo phòng chuyên môn kiểm tra lại.

Lưu ý đối với các TTHC Trưởng phòng VTATPT đã được Cục trưởng ủy quyền ký cấp:

- Trưởng phòng VTATPT có trách nhiệm thực hiện các bước B3-B4 của quy trình;
- Trường hợp Trưởng phòng không có mặt tại cơ quan từ 01 ngày làm việc trở lên, lãnh đạo phòng được Trưởng phòng ủy quyền phải thực hiện đầy đủ các bước: B3; B4 của quy trình.

B5	Bàn giao kết quả	Công chức thẩm định	Giờ hành chính	Mẫu số 03; Mẫu số 05; GCN
-----------	-------------------------	------------------------	-------------------	------------------------------

	CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký tàu biển tạm thời	Ngày ban hành: 3/2026
		Lần ban hành: 03
		Mã hiệu: QT.VTATPT.08

Công chức thẩm định chuyển kết quả ngay sau khi lãnh đạo phê duyệt cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để thực hiện đóng dấu; hướng dẫn người nhận kết quả thực hiện thanh toán phí và trả kết quả cho người dân.

Việc bàn giao hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phải trước ít nhất 03 giờ của hạn trả kết quả.

B6	Lưu hồ sơ, thống kê báo cáo, theo dõi	<i>BP TN&TKQ và P. VTATPT</i>	<i>Theo quy định</i>	<i>Theo mục 7 của Quy trình</i>
-----------	--	-----------------------------------	----------------------	---------------------------------

Lưu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của Nhà nước về công tác văn thư lưu trữ.

Lưu ý: Các biểu mẫu 01, 02, 03, 04, 05, 06 được quy định và lưu trữ theo quy định của Quy trình tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC. Đối với các hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến, Các biểu mẫu 01, 02, 03, 04, 05, 06 được tự sinh và ghi lưu trên hệ thống Một cửa điện tử của Bộ Xây dựng.

6. BIỂU MẪU/ PHỤ LỤC

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu/ phụ lục
1.	BM.VTATPT.08.01	Sổ đăng ký tàu biển tạm thời

7. LƯU TRỮ HỒ SƠ

Stt	Tên hồ sơ	Mã số	Thời gian lưu	Bộ phận lưu
1.	Sổ Đăng ký tàu biển tạm thời	<i>BM.VTATPT.08.01</i>	Theo quy định	Bộ phận tiếp nhận - trả kết quả
2.	Hồ sơ đăng ký tàu biển tạm thời	Theo quy định		Bộ phận thẩm định

Hồ sơ được lưu trữ, bảo quản tại bộ phận chuyên môn sau đó chuyển xuống lưu trữ của cơ quan theo quy định.

ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN TẠM THỜI

Số:

I. SỞ HỮU TÀU

Tên tàu: Hô hiệu Số IMO Mã nhận dạng MMSI:

Chủ tàu cũ (nếu có)

Trụ sở: Điện thoại: Fax:

Chủ tàu:

Trụ sở: Điện thoại: Fax:

Người khai thác

Trụ sở: Điện thoại: Fax:

II. ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT CỦA TÀU

Loại tàu: Cấp tàu:

Năm đóng: Mã nhận dạng MSSI:

Số lượng Boong: Nơi đóng:

Vật liệu đóng tàu: Số lượng hầm hàng:

Chiều dài lớn nhất: m Số lượng cần cẩu:

Chiều dài thiết kế: m Trọng tải toàn phần: Tấn

Chiều rộng: m Trọng tải thực dụng: Tấn

Chiều cao mạn: m Dung tích toàn phần: GT

Số lượng hành khách được chở..... người Dung tích thực dụng: Tấn

Món nước mùa hè: m Số lượng/Tổng công suất: KW

Tốc độ tàu: hải lý/giờ Kiểu máy chính:

Định biên thuyền bộ tối đa: T/viên Số GCN đăng ký:

Cơ quan đăng kiểm..... Ngày cấp lại GCN đăng ký:

Số Đăng kiểm của tàu..... Nơi đăng ký:.....

II. CHUYỂN ĐĂNG KÝ CHÍNH THỨC

[illegible]